

STUDENTS' NAME:

PROGRESS TEST 1

Exercise 1. Điền dạng đúng của động từ “be” vào chỗ trống

1 A: Hi, Rob. How ¹ are you?

B: I ² 'm fine, thanks.

2 A: Alex, this ³ _____ Javier.

B: Hi, Javier. ⁴ _____ you Italian?

C: No, I ⁵ _____. I ⁶ _____ from Spain.

3 A: ⁷ _____ your friend a doctor?

B: No, she ⁸ _____. She ⁹ _____ a teacher.

4 A: ¹⁰ _____ they Mr and Mrs Laksana?

B: No, they ¹¹ _____. They ¹² _____ Mr and Mrs Latif.

Exercise 2. Chọn từ đúng

1 A: Is *these/this* my passport?

B: No, *that/those* is your passport over there.

2 A: Are *that/those* Martina's sunglasses on the table?

B: No, they're *your/yours*.



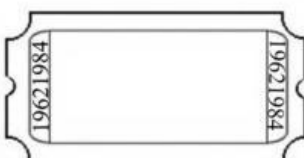
3 A: Is that *your/yours* mobile?

B: No, *mine mobile/mine* is white.

4. A: Is this *John / John's* mobile

B: No, it's *my / mine*.

Exercise 3. Hoàn thành các từ sau theo hình gợi ý

1. w _____ 	2. t _____ b _____ 	3. k _____ 	4. m _____ 
5. s _____ 	6. p _____ 	7. s _____ 	8. t _____ 

Exercise 4. Điền từ vào chỗ trống

~~tree~~
grass

flower
tree

slide

- 1 Dad is under the tree.
- 2 Mum is on the _____.
- 3 My brother is on the _____.
- 4 The bee is on the _____.
- 5 The frisbee is in the _____.



Exercise 5. Viết 1 bức thư giới thiệu về bản thân và người nổi tiếng mà mình yêu thích nhất (50 words)

Hi Tom,

I'm your new penpal.

Write soon,

Love,